Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: ……

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* □)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Hoá học; Chuyên ngành: Công nghệ in (Kỹ thuật Hoá học)

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ và tên người đăng ký: PHÙNG ANH TUÂN**

2. **Ngày tháng năm sinh**: 11/9/1981; Nam ☑ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam**: ☑

4. **Quê quán**: xã Hoà xá, huyện Ứng hoà, thành phố Hà Nội.

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú**: số nhà 11, ngõ 168/23, phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

6. **Địa chỉ liên hệ:** Phòng 203, nhà C4-5, Đại học Bách Khoa Hà Nội, số 1 Đại Cồ Việt, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động: 097.937.9398;

E-mail: tuan.phunganh@hust.edu.vn.

7. **Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

Từ 11/2004 đến 11/2009:	Giảng viên tại Bộ môn Công nghệ In, Viện Kỹ thuật Hoá học, Đại học Bách Khoa Hà Nội
Từ 11/2009 đến 01/2014:	Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Vrije University Brussels, Vương quốc Bỉ
Từ 01/2014 đến 7/2020:	Giảng viên tại Bộ môn Công nghệ In, Viện Kỹ thuật Hoá học, Đại học Bách Khoa Hà Nội
Từ 7/2020 đến 8/2023:	Giảng viên, Trưởng Bộ môn Công nghệ in, Viện Kỹ thuật Hoá học, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Từ 8/2023 đến nay: Giảng viên, Trưởng Khoa Vật liệu hoá học ứng dụng, Trường Vật liệu, Đại học Bách Khoa Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Giảng viên, Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Bách Khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: số 1 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.38692036

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ……năm ……..……

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……..……..

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ……..…… ……

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 6 năm 2004; số văn bằng: B548692; ngành: Kỹ thuật in; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 09 tháng 5 năm 2007; số văn bằng: 002048; ngành: Công nghệ Hoá học; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 12 năm 2013; số văn bằng: .....; ngành: Khoa học. chuyên ngành: Hoá phân tích và môi trường; Nơi cấp bằng TS: Đại học Tổng hợp Vrije University Brussels, Vương quốc Bỉ.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày …… tháng ……. năm ……. ,

ngành: ……..……..

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Bách Khoa Hà Nội - Hội đồng II: Vật lý, Luyện kim, Hoá học

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hoá học - Công nghệ thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu chế tạo vật liệu in gốc nước, vật liệu in UV, vật liệu polyme và compozit ứng dụng trong công nghệ in offset, công nghệ in kỹ thuật số và công nghệ in 3D.

Hướng nghiên cứu 2: Ứng dụng các kỹ thuật phân tích hiện đại, kỹ thuật phân tích thống kê trong nghiên cứu môi trường và công nghệ in.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 06 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp cơ sở Đại học Bách Khoa Hà Nội, 01 đề tài NCKH cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Đã công bố (số lượng) 32 bài báo khoa học, trong đó 09 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

TS Phùng Anh Tuân là giảng viên Đại học Bách Khoa Hà Nội, với nhiệm vụ chính là giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- TS. Phùng Anh Tuân đã bảo vệ luận án Tiến sĩ tại Đại học Tổng hợp Vrije University Brussels (Vương quốc Bỉ) năm 2013. Từ tháng 11 năm 2004 cho đến nay, ứng viên là cán bộ giảng dạy tại Bộ môn công nghệ in, Đại học Bách Khoa Hà Nội (trong đó có 4 năm (2009-2013) học tập và nghiên cứu tại Đại học Tổng hợp Vrije University Brussels (Vương quốc Bỉ).
- Về công tác đào tạo đại học và sau đại học: TS. Phùng Anh Tuân được Bộ môn Công nghệ In, Đại học Bách Khoa Hà Nội phân công phụ trách các học phần: (a) đào tạo đại học như là Anh văn chuyên ngành; Cơ sở thiết kế nhà máy in; Kỹ thuật in II; Thiết kế xuất bản phẩm; Kỹ thuật in số; Nhập môn kỹ thuật in và truyền thông; Hoá học trong công nghệ in; Kỹ thuật in offset nâng cao; Thiết kế dây chuyền sản xuất trong nhà máy in; Kỹ thuật in trên vật liệu đặc biệt; (b) đào tạo sau đại học bao gồm các môn Kỹ thuật phân tích thống kê; Kỹ thuật in trên vật liệu đặc biệt; Semina 1: Tổng quan lĩnh vực nghiên cứu; Semina 2: Các kết quả nghiên cứu ban đầu. Ngoài ra, ứng viên cũng tham gia hướng dẫn sinh viên và học viên cao học, hướng dẫn đồ án môn học, đồ án chuyên ngành, đồ án tốt nghiệp, dẫn sinh viên đi thực tập kỹ thuật, thực tập tốt nghiệp tại các nhà máy. Tham gia công tác phản biện và chấm luận văn, luận án và đề tài, dự án các cấp; tham gia hội thảo và công bố trong nước và quốc tế.
Trong những năm vừa qua, ứng viên luôn hoàn thành tốt và xuất sắc các công việc được giao. Ứng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công 06 Thạc sĩ.
- Về công tác nghiên cứu khoa học: cho đến nay, ứng viên đã công bố 32 công trình, trong đó có 09 bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín. Trong đó 05 bài báo là tác giả chính: 02 bài trên tạp chí Q1, 02 bài trên tạp chí Q2; là chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu và là chủ nghiệm 01 đề tài cấp bộ đã nghiệm thu.
Tôi tự nhận xét mình là một giảng viên nghiêm túc, tận tụy, chủ động và có tinh thần trách nhiệm trong công việc, luôn lắng nghe và học hỏi từ đồng nghiệp, luôn quan tâm và tận tình với sinh viên. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định, quy chế của Nhà nước và đơn vị công tác. Tôi tự đánh giá bản thân đạt đầy đủ phẩm chất và tiêu chuẩn của một nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 6 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019	0	0	01	09	150	0	150/607/270
2	2019-2020	0	0	02	06	118	38	204/456/270
3	2020-2021	0	0	0	05	210	27	237/439/288
03 năm học cuối								

4	2021-2022	0	0	0	07	209	96	335/499/288
5	2022-2023	0	0	03	02	110	40	150/359/288
6	2023-2024	0	0	0	0	197	0	233/256/252

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Học ĐH ☐; Tại nước: ……..; Từ năm …… đến năm ……

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Vương quốc Bỉ năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ……. số bằng: …….; năm cấp:……

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☑

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh (Anh văn chuyên ngành, chương trình đại học ngành Kỹ thuật in)

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

Đã viết và bảo vệ luận án Tiến sĩ bằng Tiếng Anh, năm 2013 tại Vương Quốc Bỉ.

Tên luận án: "Use of laser Ablation-ICP-Mass Spectrometry for the study of diadromous fish behaviour and for phytoremediation".

Đường link tới luận án:

https://researchportal.vub.be/en/studentTheses/use-of-laser-ablation-icp-mass-spectrometry-for-the-study-of-diad-2

hoặc http://opac.nlv.gov.vn/pages/opac/wpid-detailbib-id-548059.html

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Thị Hà Anh		x	x		3/2018 đến 10/2019	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Bằng ThS số hiệu M002296 cấp ngày 28/12/2019
2	Nguyễn Văn Huy		x	x		10/2019 đến 10/2020	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Bằng ThS số hiệu M002615 cấp ngày 28/12/2020
3	Phạm Thị Hồng Chiến		x	x		10/2019 đến 10/2020	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Bằng ThS số hiệu M002612 cấp ngày 28/12/2020
4	Lê Duy Hùng		x	x		2/2021 đến 2/2023	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Bằng ThS số hiệu M0006463 cấp ngày 15/6/2023
5	Hoàng Tiến Dũng		x	x		2/2021 đến 3/2023	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Bằng ThS số hiệu M0006460 cấp ngày 15/6/2023
6	Hoàng Thị Thuỳ		x	x		2/2021 đến 9/2023	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Bằng ThS số hiệu M0006698 cấp ngày 15/12/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu chất tẩy rửa lô trong máy in offset dùng mực UV	CN	T2006-83, Trường Đại học Bách khoa Hà nội	01/4/2006 - 15/12/2006	21/12/2006 Xếp loại kết quả Tốt
2	Nghiên cứu xây dựng profile cho hệ thống thiết bị sử dụng trong ngành in	CN	T2008-41, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	01/2008 - 15/12/2008	25/12/2008 Xếp loại kết qủa Tốt
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu chế tạo dung dịch ẩm không IPA (Isopropyl alcohol) sử dụng cho công nghệ in offset	CN	B2016-BKA-12, Bộ Giáo dục và Đào tạo	1/2016 - 12/2017	Xếp loại đạt
2	Nghiên cứu tổng hợp sợi polyme compozit sinh học PLA cốt gỗ sử dụng làm vật liệu in 3D	CN	T2020-PC-051	6/2020 - 12/2021	Xếp loại đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Aqueous dispersions of dry pigments used in production process of colour resin particles	4		Regional Symposium on chemical engineering Proceeding (RSCE 2005), Publishing licence No 1288-47-4, 09/8/2005			330-333	2005

2	A study of preparation of pigment particles coverd by film-forming polymers that are applied for water based inks	5	X	Kỷ yếu Hội nghị khoa học lần thứ 20 - ĐHBK Hà nội, GPXB số 547-2006/CXB/05-68/BKHN, 03/8/2006			20, 251-254	2006
3	Ảnh hưởng của tỷ lệ pigment/monome đến sự tạo thành các hạt nhựa màu dùng cho mực in gốc nước	3		Hoá học và ứng dụng ISSN 1859-4069			03(75), 41-43	2008
4	Nâng cao độ bền phân tán của pigment màu trong nước bằng phương pháp tạo lớp vỏ polymer cho hạt pigment	4		Tạp chí In+Truyền thông			4, 54-55	2008
5	A study on polymer coated colour pigments for water-based ink	4		International Journal of Chemical and Molecular Engineering ISSN 2070-3805			1(3), 111-114	2008
6	Aqueous dispersion stability of the organic pigment particles with polymeric encapsulation	4		19th IUPAC Conference on Physical Organic Chemistry Proceeding			P48B	2008
7	A study on polymer coated colour pigments for water-based ink	4		Proceedings of World Academy of Science Engineering and Technology ISSN 1307-6884			30, 662-665	2008
8	Nghiên cứu sản xuất chất tẩy rửa mực UV	3		Tạp chí Hoá học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN 0866-7144			T.46(5A), 312-317	2008

9	Nghiên cứu chế tạo mực in cho máy in số tốc độ cao	4		Tạp chí Hoá học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN 0866-7144			T.47 (2A), 506-510	2009
10	Reproducibility of laser ablation–inductively coupled plasma–mass spectrometry (LA–ICP–MS) measurements in mussel shells and comparison with micro-drill sampling and solution ICP–MS https://doi.org/10.1016/j.talanta.2013.04.019	6	X	TALANTA Online ISSN 1873-3573 Print ISSN 0039-9140	ISI, Q1, IF(2013) = 3.758	21	115, 6-14	2013
	Sau khi được công nhận TS							
11	Migration of diadromous and landlocked smelt populations studied by otolith geochemistry https://doi.org/10.1016/j.fishres.2015.02.004	6	X	Fisheries Research ISSN 1879-1298	SCI, Q1 IF(2015) = 2.3	6	167, 123-131	2015
12	Radial metal concentration profiles in trees growing on highly contaminated soils https://doi.org/10.1016/j.chemosphere.2016.12.142	6		Chemosphere ISSN 1879-1298	SCI, Q1 IF(2017) = 4.8	10	172, 80-88	2017
13	Nghiên cứu sử dụng etylen glycol monobutyl ete tăng khả năng thấm ướt của dung dịch ẩm trong công nghệ in offset.	5	X	Tạp chí Hoá học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN 0866-7144			55(5e34), 264-268	2017
14	Ethylene Glycol mono-Butyl Ether as wetting agent in offset printing fountain solution free Isopropyl Alcohol	5	X	10th Regional Conference on Chemical Engineering Proceeding ISSN 2094-3237			ACE-1204	2017
15	Nghiên cứu sản xuất dung dịch ẩm không sử dụng cồn IPA trong công nghệ in offset	2	X	Tạp chí Hoá học và ứng dụng ISSN 1859-4069			4(48), 19-22	2019
16	Nghiên cứu ảnh hưởng của dung dịch ẩm không sử dụng cồn IPA đến độ tách của mực in offset tờ rời	3	X	Tạp chí Hoá học, Viện Hàn lâm Khoa học			57(4e1,2), 254-258	2019

				và Công nghệ Việt Nam ISSN 0866-7144 eISSN 2572-8288				
17	Nghiên cứu khả năng nhũ tương hoá của mực in offset tờ rời và dung dịch ẩm không sử dụng cồn IPA	3	X	Tạp chí Hoá học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN 0866-7144 eISSN 2572-8288			57(6e1,2), 266-270	2019
18	Applicability of Montmorillonite Immobilized in Hydrogel for the Determination of Labile Cd, Pb, Mn, and Zn in Water Using Diffusive Gradient in Thin Films (DGT) https://doi.org/10.1007/s11270-020-04474-5	6		Water, Air and Soil Pollution/ ISSN: 1567-7230	SCIE, Q2 IF(2020) = 2.9	7	231(106)	2020
19	Evaluating the Performance of a Diffusive Gradient in Thin Film Embedded with Montmorillonite for the Determination of Labile Cd, Pb, Mn, and Zn in Natural River Water Doi: 10.1155/2020/1483909	5		Journal of Chemistry ISSN 2090-9071	ISI, Q2 IF(2020) = 3.0		2020, 1-12	2020
20	Study of wetting on the non-image area of offset printing plates by an alternative Iso-propyl alcohol free fountain solution https://doi.org/10.11113/aej.v10.16596	4	X	ASEAN Engineering Journal/ ISSN: 2586-9159	SCI, Q4 IF(2020) = 0.9		10(2), 50-57	2020
21	A study on the assessment of quality of printed sheets in offset sheet-fed printing https://doi.org/10.51316/jst.148.etsd.2021.31.1.9	1	X	JST: Engineering and Technology for Sustainable Development ISSN 2734-9381			31(1), 041-045	2021
22	Nghiên cứu khả năng nhũ tương hoá mực in UV curable offset tờ rời với dung dịch ẩm không sử dụng cồn IPA https://doi.org/10.51316/jst.148.etsd.2021.31.1.10	5	X	JST: Engineering and Technology for Sustainable Development			31(1), 046-051	2021

				ISSN 2734-9381				
23	Nghiên cứu sản xuất mực in huỳnh quang trong công nghệ in offset https://doi.org/10.51316/jst.151.etsd.2021.31.3.5	4	X	JST: Engineering and Technology for Sustainable Development ISSN 2734-9381			31(3), 026-030	2021
24	Design, Synthesis and In vitro Cytotoxic Evaluation of Novel Hybrids of Artemisinin and Quinazolinone https://doi.org/10.2174/1570178618666211001115131	8		Letters in Organic Chemistry ISSN 1875-6255	ISI, Q4 IF(2022) = 1.0		19(7), 558-569	2022
25	Nghiên cứu sử dụng mùn cưa làm chất độn trong chế tạo vật liệu compozit từ nhựa poly(lactic acid) có tiềm năng ứng dụng trong kỹ thuật in 3D https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6594	5	X	Thái Nguyên Uni. Journal of Science and Technology ISSN 1859-2171 và 2374-9098 e-ISSN 2615-9562			228(02), 20-28	2022
26	A Study Of UV-curable Offset Ink Emulsified With An Alternative Isopropyl Alcohol-free Fountain Solution https://doi.org/10.6180/jase.202401_27(1).0003	4	X	Journal of Applied Science and Engineering (Taiwan) ISSN 2708-9975 (Online) ISSN 2708-9967 (Print)	SCI, Q2 IF(2023) = 1.3		27(1), 1867-1876	2023
27	Nghiên cứu chế tạo sợi polime compozit từ nhựa ABS và mùn cưa gỗ có tiềm năng ứng dụng trong kỹ thuật in 3D-FDM	2	X	Tạp chí Hoá học và ứng dụng ISSN 1859-4069			2(65), 49-52	2023
28	Khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ, nồng độ chất khơi mào và nồng độ monome đến hiệu suất chuyển hoá của phản ứng trùng hợp polime nhạy nhiệt Poly(N-vinylcaprolactam). https://doi.org/10.62239/jca.2023.072	3		Tạp chí xúc tác và hấp phụ Việt Nam ISSN 0866-7411			12(4), 98-103	2023
29	Acrylonitrile butadiene styrene/wood sawdust particles composites:	5	X	Iranian Polymer	SCI, Q2	3	33, 67-78	2024

	mechanical and morphological properties https://doi.org/10.1007/s13726-023-01236-y			Journal (springer)/ ISSN 1026-1265	IF = 3.1			
30	Nghiên cứu tổng hợp polime nhạy nhiệt Poly (N-vinyl caprolactam) và dẫn xuất acrylate	3	X	Tạp chí Công thương/ ISSN 0866-7756			7, 362-367	2024
31	Nghiên cứu tác dụng dung dịch ẩm không sử dụng cồn Isopropyl alcohol trong công nghệ in offset https://tapchimoitruong.vn/gi/nghien-cuu-23	2	X	Tạp chí môi trường/ ISSN 2615-9597			5, 18-20 và 34	2024
32	Ứng dụng kỹ thuật in 3D LCD cho vật liệu photopolymer	2	X	Tạp chí Công thương/ ISSN 0866-7756			11, 290-295	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 04 bài đó là các bài [11], [20], [26], [29].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Kỹ thuật in 2017	Thư ký hội đồng phát triển chương trình đào tạo, tham gia xây dựng đề cương học phần	Quyết định số 1033/QĐ-ĐHBK-TCCB ngày 17 tháng 5 năm 2017	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quyết định số 111/QĐ-ĐHBK-ĐT ngày 10 tháng 7 năm 2020	
2	Chương trình đào tạo Thạc sĩ Kỹ thuật in	Thư ký hội đồng phát triển chương trình đào tạo, tham	Quyết định số 11522/QĐ-ĐHBK ngày 11 tháng 12 năm 2023	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Quyết định số 4386/QĐ-ĐHBK ngày 12 tháng 5 năm 2024	

		gia xây dựng CTĐT Thạc sĩ kỹ thuật in 2024				

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÙNG ANH TUÂN